

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HSST
Ngày: 27/3/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

2/ Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2018/TLST-HS, ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quang T;**

Sinh ngày: 24/02/1992; Tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Quang T, sinh năm: 1963; Hiện trú tại: Huyện N, tỉnh K; Con bà: Phan Thị N, sinh năm: 1964; Hiện trú tại: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Lúc còn nhỏ được cha mẹ nuôi ăn học hết lớp 12/12. Năm 2010 đến năm 2013 học tại Trường Cao đẳng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Cuối năm 2013 đến năm 2017, về nhà phụ giúp gia đình. Tháng 3/2017 làm việc tại Công ty bất động sản A tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 11/01/2018, có hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 14/01/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố

Buôn Ma Thuột, khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, đến nay.

**/ Người bị hại:*

Anh Trần Gia V – Sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 23/50 đường số 4, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

**/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Minh T – Sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 100, Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

**/ Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn M – Sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02/21 đường L, tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Phạm Việt Hoài T – Sinh năm: 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 54 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12^h ngày 11/01/2018, anh Trần Gia V, sinh năm 1984, cư trú tại: số 23/50 đường số 4, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, đến quán cà phê Venus, địa chỉ: 18 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để uống cà phê. Tại đây, trong lúc đi vệ sinh tại quán thì anh V làm rơi 01 chiếc ví (bóp) da màu đen tại phòng vệ sinh nam ở tầng hai quán Venus. Khoảng 15^h 15' cùng ngày, Nguyễn Quang T điều khiển xe mô tô biển số: 47B1-876.59 đến quán Venus để uống cà phê, trong lúc đi vệ sinh thì T nhặt được chiếc ví da của anh V trong phòng vệ sinh. T mở ví của anh V ra thì thấy bên trong có: 01 thẻ ATM ngân hàng VietComBank, 01 thẻ ATM Ngân hàng quân đội, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 đều mang tên Trần Gia V và số tiền 960.000 đồng. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 960.000 đồng và chiếm đoạt tiền trong tài khoản Ngân hàng của anh V thông qua thẻ ATM nhặt được của anh V. Sau đó, T tính tiền cà phê rồi điều khiển xe mô tô biển số: 47B1-876.59 đến trụ ATM Ngân hàng VietComBank, tại địa chỉ: số 06 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để kiểm tra và rút tiền trong thẻ ATM. Khi đến nơi, T vào trụ ATM mang ký hiệu “02300004” rồi căn cứ vào ngày tháng năm sinh của anh V để nhập mật khẩu đăng nhập vào tài khoản Ngân hàng VietComBank của anh V. T nhập hai lần mật khẩu lần lượt là “2612” và “261219” nhưng không đúng. Đến lần thứ ba T nhập mật khẩu “261284” thì đăng nhập được vào tài khoản của anh V. T thực hiện 08 lần giao dịch rút tiền và chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng (bao gồm 06 lần rút số tiền 3.000.000 đồng và 02 lần rút số tiền 3.500.000 đồng) từ tài khoản Ngân hàng của anh V. Khi T đang rút tiền thì tin nhắn báo rút tiền liên tục được gửi đến máy điện thoại của anh V nên anh V đã đi tìm. Khi anh V đi đến cây ATM của Ngân hàng Vietcombank, địa chỉ: số 06 đường T, phường T, thành phố B, anh V thấy T đang ở trong cây ATM thực hiện giao dịch rút tiền nên đã vào kiểm tra thì thấy máy ATM vừa trả thẻ ATM ra, anh V xác định đúng T là người đang rút tiền trong tài khoản thẻ ATM của mình nên đã giữ T lại và truy

hồ quần chúng nhân dân bắt quả tang T rồi đưa T đến trụ sở Công an phường T, thành phố B, để làm việc và tạm giữ số tiền: 25.000.000 đồng; 01 điện thoại I Phone 5; 01 điện thoại hiệu Sodaz; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Lorgin; 01 bóp da màu đen; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM ngân hàng VietComBank, 01 thẻ ATM Ngân hàng quân đội, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 đều mang tên Trần Gia V; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng kí xe 47B1-876.59 đều mang tên Nguyễn Quang T; 01 bóp da màu đen, số tiền 1.071.000 đồng (trong đó có 960.000 đồng T nhặt được, còn 111.000 đồng là tiền của T không liên quan đến việc phạm tội), 01 xe mô tô biển số 47B1-876.59. Sau đó, Công an phường Thắng Lợi đã chuyển hồ sơ vụ án cùng tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để xử lý.

Ngày 08/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Gia V nhận sử dụng: Số tiền 25.960.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 thẻ ATM Ngân hàng VietComBank, 01 thẻ ATM Ngân hàng quân đội, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 cho anh Trần Gia V nhận sử dụng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T: Số tiền 111.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 điện thoại Iphone 5; 01 điện thoại hiệu Sodaz; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Lorgin; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Quang T.

Đối với chiếc xe mô tô biển số: 47B1-876.59 mà Nguyễn Quang T làm phương tiện thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định xe này T đã bán cho chị gái là Nguyễn Minh T, sinh năm 1989, cư trú tại số nhà 100, Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 11/01/2018, chị T để xe mô tô 47B1-876.59 ở nhà mẹ đẻ nên khi T sử dụng chiếc xe này đi Trộm cắp tài sản, chị T không biết. Do vậy, ngày 08/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả xe mô tô biển số: 47B1-876.59 và giấy đăng ký xe mô tô biển số: 47B1-876.59 cho chị Nguyễn Minh T, là chủ sở hữu nhận sử dụng.

Tại Bản cáo trạng số: 75/KSĐT-HS ngày 05/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quang T theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang T mức án từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

***/ Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả lại cho anh Trần Gia V nhận sử dụng: Số tiền 25.960.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 thẻ ATM Ngân hàng VietComBank, 01 thẻ ATM Ngân hàng quân đội, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T: Số tiền 111.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 điện thoại Iphone 5; 01 điện thoại hiệu Sodaz; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Lorgin; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 và trả lại cho chị Nguyễn Minh T, nhận sử dụng: Chiếc xe mô tô biển số: 47B1-876.59 và giấy đăng ký xe mô tô biển số: 47B1-876.59.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Kết quả tranh luận và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Quang T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, nên vào khoảng 16^h38’ ngày 11/01/2018, tại trụ ATM Ngân hàng VietComBank, tại địa chỉ: số 06 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Quang T đã lén lút trộm cắp số tiền 25.000.000 đồng trong tài khoản Ngân hàng của anh V thông qua thẻ ATM nhật được của anh V thì bị phát hiện. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Xét thấy hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo phù hợp với mức độ hành vi bị cáo đã gây ra.

[2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét về nhân thân của bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp được đã trả

lại cho người bị hại, bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ, xét đây cũng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển số: 47B1-876.59 mà Nguyễn Quang T làm phương tiện thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc xe do chị Nguyễn Minh T là chủ sở hữu nhưng chị T không biết bị cáo Nguyễn Quang T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

- Ngoài hành vi phạm tội trên, Nguyễn Quang T còn có hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản (960.000 đồng do nhặt được của anh Trần Gia V nhưng hành vi của T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là phù hợp. Cần chấp nhận.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Về phần xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả cho anh Trần Gia V nhận sử dụng: Số tiền 25.960.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 thẻ ATM Ngân hàng VietComBank, 01 thẻ ATM Ngân hàng quân đội, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T: Số tiền 111.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 điện thoại Iphone 5; 01 điện thoại hiệu Sodaz; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Lorgin; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 và trả lại cho chị Nguyễn Minh T, nhận sử dụng: Chiếc xe mô tô biển số: 47B1-876.59 và giấy đăng ký xe mô tô biển số: 47B1-876.59.

- Về phần trách nhiệm dân sự: anh Trần Gia V không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Do vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần xử lý vật chứng là có căn cứ. Cần chấp nhận.

[4] Về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình xét xử, tại phiên tòa bị cáo cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H để giám sát, giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

-Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Về phần xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả cho anh Trần Gia V nhận sử dụng: Số tiền 25.960.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 thẻ ATM Ngân hàng VietComBank, 01 thẻ ATM Ngân hàng quân đội, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang T: Số tiền 111.000 đồng; 01 bóp da màu đen; 01 điện thoại Iphone 5; 01 điện thoại hiệu Sodaz; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Lorgin; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 và trả lại cho chị Nguyễn Minh T, nhận sử dụng: Chiếc xe mô tô biển số: 47B1-876.59 và giấy đăng ký xe mô tô biển số: 47B1-876.59.

- Về phần trách nhiệm dân sự: anh Trần Gia V không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 BLTTHS năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cáo;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.B;
- Công an Tp.B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã H, Tp.B;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

